

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 299 /DNA-CĐVT

Đắk Nông, ngày 06 tháng 02 năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa lớn bồn nhất thể hóa
C-08S1S007b,c,d

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa lớn bồn nhất thể hóa C-08S1S007b,c,d thuộc Phân xưởng Khí hóa than. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục 1 đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 15/02/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phục lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nội nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa lớn bồn nhất thể hóa C-08S1S007b,c,d

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Bát đỡ tăng cứng	Kích thước: 100x100x141x8mm, vật liệu inox 304	Sửa chữa lớn bồn Nhất thể hóa C-08S1S007	tám	216	
2	Bích thép	DN300 PN10, vật liệu inox 304		cái	36	
3	Co thép	DN150, SCH20, vật liệu inox 304		cái	48	
4	Co thép	DN300, SCH10, vật liệu inox 304		cái	18	
5	Co thép	DN32, SCH10, vật liệu inox 304		cái	36	
6	Co thép	DN40, SCH10, vật liệu inox 304		cái	6	
7	Co thép	DN450, SCH10, vật liệu inox 304		cái	6	
8	Côn giảm đồng tâm	DN200x150, SCH20, vật liệu inox 304		cái	3	
9	Đầu lọc	1T/H; nhựa ABS; tổng dài 115±10mm		cái	6.264	
10	Mặt bích	DN150, PN10, vật liệu inox 304		cái	15	
11	Mặt bích	DN400, PN10, vật liệu inox 304		cái	3	
12	Mặt bích	DN450, PN10, vật liệu inox 304		cái	6	
13	Sơn lót chống gỉ gốc epoxy	Epoxy interseal 670HS hoặc tương đương		kg	710	
14	Sơn phủ Polyurethane	Polyurethane Interthane 990 hoặc tương đương		kg	438	
15	Sơn trung gian gốc epoxy	Epoxy interseal 670HS hoặc tương đương		kg	710	
16	Tấm chắn hình nón	D445x6mm, vật liệu inox 304		tám	18	
17	Tấm đáy khoang lọc	Đường kính cung ngoài 11029mm, đường kính cung trong 7500mm, góc 30 độ, dày 10mm, đục lỗ Ø 35mm, số lượng 174 lỗ, vật liệu inox 304		tám	36	

10/

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
18	Tấm lạng	KT: L1000xL880xH880mm	Sửa chữa lớn bồn Nhất thể hóa C-08S1S007	m3	75,6	
19	Tấm lót	160x160x8mm, vật liệu inox 304		tám	72	
20	Tấm nắp trên khoang lọc	Cung lớn 2221mm, đường kính ngoài 11390mm, cung nhỏ 1515mm, đường kính trong 7766mm, cạnh 1812mm, dày 8mm, vật liệu inox 304		tám	48	
21	Tấm nhựa chia nước	D250x250x5120x6mm, vật liệu FRP		tám	36	
22	Tấm ốp viền đáy	Cung ngoài Ø11029mm, cung trong Ø10429mm, rộng 300mm, góc 30 độ, thép tấm dày 8mm, vật liệu Q235		tám	36	
23	Tấm ốp chân bồn	Cung ngoài Ø11000mm, cung trong Ø10984mm, cao 500mm, góc 30 độ, thép tấm dày 8mm, vật liệu Q235		tám	36	
24	Tê thép	DN150, SCH10, vật liệu inox 304		cái	6	
25	Thép hình	U100x46x5,5mm, vật liệu inox 304		m	5,4	
26	Thép hình	U100x50x5, L=3,64m, vật liệu inox 304		cái	18	
27	Thép hình	U100x50x5mm, vật liệu inox 304		m	19,875	
28	Thép hình	V50x50x5mm, L=50mm, vật liệu inox 304		cái	108	
29	Thép hình	V50x50x5mm, vật liệu inox 304		m	10,08	
30	Thép ống	D114,3x4,78mm, L=980mm, vật liệu inox 304		cái	144	
31	Thép ống	D168,3x6,35mm, vật liệu inox 304		m	265,2	
32	Thép ống	D33,4x3,34mm, vật liệu inox 304		mét	964,8	
33	Thép ống	DN300, SCH10, vật liệu inox 304		m	131,76	
34	Thép ống	DN32, SCH10, vật liệu inox 304		m	100,8	
35	Thép ống	DN40, SCH10, vật liệu inox 304		m	12,482	
36	Thép ống	DN400, SCH10, vật liệu inox 304		m	17,835	

104

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
37	Thép ống	DN450, SCH10, vật liệu inox 304	Sửa chữa lớn bồn Nhất thể hóa C-08S1S007	m	42	
38	Thép ống	D88,9x5,5mm, vật liệu inox 304		m	178,2	
39	Thép tấm	1000x4720x6mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
40	Thép tấm	1220x300x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
41	Thép tấm	150x150x10mm, vật liệu inox 304		tấm	288	
42	Thép tấm	1700x1252x1752x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
43	Thép tấm	1725x310x5mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
44	Thép tấm	1725x700x5mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
45	Thép tấm	200x200x8mm, vật liệu inox 304		tấm	12	
46	Thép tấm	250x5120x8mm, vật liệu inox 304		tấm	54	
47	Thép tấm	2512x1500x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
48	Thép tấm	2512x635x8mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
49	Thép tấm	350x250x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
50	Thép tấm	3927x1000x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
51	Thép tấm	3927x1252x8mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
52	Thép tấm	400x300x5mm, vật liệu inox 304		tấm	6	
53	Thép tấm	400x400x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
54	Thép tấm	470x350x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
55	Thép tấm	500x310x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
56	Thép tấm	600x400x5mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
57	Thép tấm	700x310x5mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
58	Thép tấm	800x300x5mm, vật liệu inox 304		tấm	6	
59	Thép tấm	800x400x5mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
60	Thép tấm	810x310x5mm, vật liệu inox 304		tấm	36	
61	Thép tấm	810x500x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
62	Thép tấm	D300x6mm, vật liệu inox 304		tấm	36	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
63	Thép tấm	D457/D325, vật liệu inox 304	Sửa chữa lớn bồn Nhất thể hóa C-08S1S007	cái	18	
64	Thép tấm	D457x6mm, vật liệu inox 304		cái	18	
65	Thép tấm	D565x5mm, vật liệu inox 304		tấm	18	
66	Thép tấm	D800x8, vật liệu inox 304		tấm	3	
67	Thép tấm	4186x1500x6mm, vật liệu inox 304		tấm	6	
68	Thép tấm	4186x250x6mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
69	Thép hình	U100x46x5,5mm, vật liệu inox 304		tấm	3	
70	Ty ren	M12x800mm, vật liệu inox 304		m	15,3	
71	Ty ren	M16, dài 0,41m, vật liệu inox 304		cái	48	
72	U bolt	DN150, vật liệu inox 304		cây	72	
73	Van bi	DN15, PN10, CF8/ SUS304		cái	3	
74	Van bướm	DN150, PN10, CF8/SUS304		cái	3	
75	Tấm côn lớn đáy côn trên (Ø11000xØ7270mm):	Cung lớn 3140mm, đường kính ngoài 15573 mm, cung trong 2400mm, đường kính trong 11905mm, cạnh 1834mm, dày 6mm, vật liệu inox 304		tấm	33	
76	Tấm côn nhỏ đáy côn trên (Ø11000xØ7270mm)	Cung lớn 2400mm, đường kính ngoài 11905mm, cung trong 2075mm, đường kính trong 10293mm, cạnh 806mm, dày 6mm, vật liệu inox 304		tấm	33	
77	Tấm côn lớn đáy côn giữa (Ø7400xØ4000mm)	Cung lớn 2323mm, đường kính ngoài 10670 mm, cung trong 1496mm, đường kính trong 6873mm, cạnh 1899mm, dày 6mm, vật liệu inox 304		tấm	30	



✓

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
78	Tấm côn nhỏ đáy côn giữa (Ø7400xØ4000mm)	Cung lớn 1496mm, đường kính ngoài 6873 mm, cung trong 1255mm, đường kính trong 5765mm, cạnh 554mm, dày 6mm, vật liệu inox 304	Sửa chữa lớn bồn Nhất thể hóa C-08S1S007	tấm	30	
79	Tấm đáy côn dưới (Ø4000xØ1500mm)	Cung ngoài 2511mm, đường kính ngoài 5651mm, cung trong 940mm, đường kính trong 2115mm, cạnh 1768mm, dày 6mm, vật liệu inox 304		tấm	15	
80	Bát thép	160x120x8mm, vật liệu inox 304		tấm	54	
81	Bát thép	Bát thép 350x350x10mm, vật liệu inox 304		tấm	24	
82	Bát thép	Bát thép 400x350x10mm, vật liệu inox 304		tấm	24	
83	Bát thép	Bát thép 450x400x10mm, vật liệu inox 304		tấm	6	
84	Thép hình	I160x18mm, vật liệu inox 304		mét	276	
85	Thép hình	V60x60x6mm, vật liệu inox 304		mét	177	
86	Thép hình	I220x120x6x10mm, dài 11 mét, vật liệu inox 304		cây	3	
87	Thép hình	I220x120x6x10mm, dài 9,495 mét, vật liệu inox 304		cây	6	

ca



Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

SIT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.

vet

